TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU HÀNH** **TỈNH TRÀ VINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 35/2017/DS-ST
Ngày: 19/9/2017.
V/v "Tranh chấp hợp đồng góp hụi"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn Hùng.

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Vương Hoàng Phúc.

2. Bà Trần Thị Sang.

- Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Phước Thành, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh.

Ngày 19 tháng 9 năm 2017, tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 177/2017/TLST–DS ngày 03 tháng 5 năm 2017 về việc "*Tranh chấp hợp đồng góp hụi*" theo quyết định số: 119/2017/QĐST - DS ngày 01/9/2017 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Trương Thị A, sinh năm 1961 (có mặt).

Địa chỉ cư trú: ấp Phú Nhiêu, xã Mỹ Chánh, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh.

Người đại diện hợp pháp cho bà Trương Thị A: ông Trầm Phú L;

Địa chỉ cư trú: ấp , Chòm Chuối, xã Phước Hưng, huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh (có mặt).

2. Bị đơn: Chị Bành Thị Thúy H, sinh năm 1970 (vắng mặt không có lý do).

Địa chỉ cư trú: ấp Phú Nhiêu, xã Mỹ Chánh, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh.

NỘI DUNG VỤ ÁN

***** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai nguyên đơn bà Trương Thị A trình bày: Vào khoảng cuối năm 2013 cho đến năm 2016, chị Bành Thị Thúy H có mở nhiều dây hụi, loại hụi từ 500.000 đồng cho đến 3.000.000 đồng do chị H làm đầu thảo. Hụi khui theo tháng, khui theo vụ lúa 3 tháng khui một lần, mỗi

dây hụi này có từ 14 phần đến 22 phần, bà đã tham gia các dây hụi do chị H làm đầu thảo cụ thể:

- Dây hụi khui ngày 15/7/2013 al, loại hụi 2.000.000 đồng, 03 tháng khui một lần, có 16 phần, bà tham gia 01 phần, đóng sống được 15 lần với số tiền 30.000.000 đồng.

- Dây hụi khui ngày 15/11/2013 al, loại hụi 3.000.000 đồng, 3 tháng khui một lần, có 14 phần, bà tham gia 01 phần, đóng sống được 10 lần với số tiền 30.000.000 đồng.

- Dây hụi khui ngày 25/11/2015 al, loại hụi 500.000 đồng, 01 tháng khui một lần, có 22 phần, bà tham gia 01 phần, đóng sống được 13 lần với số tiền 6.500.000 đồng.

- Dây hụi khui ngày 04/10/2016 al, loại hụi 500.000 đồng, 01 tháng khui một lần, có 16 phần, bà tham gia 01 phần, đóng sống được 03 lần với số tiền 1.500.000 đồng.

Hụi khui đến tháng 02/2017 thì chị H tuyên bố bể hụi. Sau khi tuyên bố bể hụi, bà với chị H có gặp nhau đối chất, tính toán các khoản tiền hụi mà bà tham gia do chị H làm đầu thảo. Sau khi xem xét, đối chiếu chị H có viết giấy tay nợ bà tổng số tiền 146.125.000 đồng, số tiền này chị H hứa khi thu hoạch lúa sẽ trả cho bà. Nhưng sau đó chị H không trả, bà có đến gặp chị H nhiều lần yêu cầu chị H phải trả số tiền này, nhưng chị H vẫn không trả. Trong số tiền 146.125.000 đồng gồm nhiều dây hụi bà đã khởi kiện tại Tòa án, bà và chị H đã hòa giải thỏa thuận được một phần, còn lại các đơn kiện các dây hụi nêu trên chị H không đến Tòa án để hòa giải nên không thỏa thuận được. Nay bà khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc chị H phải trả lại tiền hụi của 04 dây hụi nêu trên mà bà đã đóng cho chị H gồm cả vốn và lãi theo thỏa thuận với số tiền 68.000.000 đồng mà chị H đã thừa nhận trả lại cho bà.

Đối với chị Bành Thị Thúy H là bị đơn được Tòa án nhân dân huyện tống đạt thông báo thụ lý vụ án, thông báo về việc kiểm tra, giao nộp, công khai chứng cứ và hòa giải 02 lần nhưng chị H đều vắng mặt không có lý do. Tòa án nhân dân huyện lập biên bản vắng mặt bị đơn và biên bản không tiến hành hòa giải được vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 207 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn bà Trương Thị A vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, nhưng qua phân tích động viên của Hội đồng xét xử bà A có đồng ý giảm số tiền yêu cầu chị H phải trả, đồng ý giảm cho chị H số tiền 10.000.000 đồng, chỉ yêu cầu chị Bành Thị Thúy H phải trả cho bà tổng số tiền của 04 dây hụi trên là 58.000.000 đồng.

Đối với chị Bành Thị Thúy H được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng chị H vẫn vắng mặt không có lý do, căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng Dân sự Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt chị H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của nguyên đơn, các chứng cứ có trong hồ sơ vụ kiện được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về thẩm quyền: Bà Trương Thị A khởi kiện yêu cầu chị Bành Thị Thúy H phải giao trả lại cho bà số tiền hụi do chị H làm đầu thảo mà bà A tham gia chơi hụi đã đóng vốn và lãi như bà A trình bày bằng 68.000.000 đồng. Đây là vụ án "Tranh chấp hợp đồng chơi hụi"; căn cứ vào khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành.

2. Về đưa người tham gia tố tụng và hòa giải:

Căn cứ đơn khởi kiện của nguyên đơn, Tòa án nhân dân huyện Châu Thành đã đưa bị đơn là chị H tham gia tố tụng, thực hiện việc thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra, giao nộp, công khai chứng cứ và hòa giải vụ án theo đúng theo quy định tại Điều 68, Điều 70, 71, Điều 196, Điều 208, 209, 210 và Điều 211 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

3. Về nội dung: Bà Trương Thị A khởi kiện yêu cầu chị Bành Thị Thúy H phải trả lại cho chị số tiền 68.000.000 đồng, bà A khai số tiền này do chị H làm đầu thảo hụi các loại mà bà A tham gia chơi và đóng hụi sống chưa hốt đã được chị H và bà đối chiếu chị H ghi còn nợ lại.

Chứng cứ là giấy tay được xác định do chị H ghi cho bà A, danh sách hụi các loại do chị H ghi của 04 dây hụi nêu trên do bà A giao nộp cho Tòa án, giấy xác nhận của những người tham gia chơi hụi của các dây hụi bà A kiện.

Xét yêu cầu khởi kiện của bà Trương Thị A yêu cầu bị đơn chị Bành Thị Thúy H phải trả cho bà số tiền hụi chết chị đã đóng bằng 58.000.000 đồng là có căn cứ để chấp nhận.

Theo quy định tại Điều 479 Bộ luật Dân sự 2005, Điều 471 Bộ luật Dân sự 2015 thì Họ, hụi, biêu, phường (sau đây gọi chung là họ) là một hình thức giao dịch về tài sản theo tập quán trên cơ sở thoả thuận của một nhóm người tập hợp nhau lại cùng định ra số người, thời gian, số tiền hoặc tài sản khác, thể thức góp, lĩnh họ và quyền, nghĩa vụ của các thành viên. Việc tham gia chơi hụi được xác lập trên cơ sở tự nguyện và thỏa thuận giữa đầu thảo hụi (chủ hụi) với các thành viên tham gia (tay em) theo hình thức quy định số tiền chơi, số người tham gia, thời gian khui hụi (mở hụi). Khi khui hụi các thành viên sẽ ghi số tiền mình muốn hốt, ghi tên và bỏ vào thùng phiếu, ai là người kêu cao nhất sẽ được hốt và những người kêu thấp hơn hoặc không kêu sẽ đóng số tiền tương ứng còn lại, số tiền người kêu cao được hốt là phần lãi những hụi viên không hốt được hưởng, người được hốt hụi sẽ nhận được số tiền còn lại của các thành viên khác, nghĩa vụ của người hốt hụi là phải đóng lại số tiền đã thỏa thuận ban đầu không được phép kêu hụi nữa. Đối với chủ hụi có nghĩa vụ gom hụi của những người không được hốt (do không phải có thăm cao nhất) giao cho người kêu cao nhất và được hưởng phần trăm theo thỏa thuận, chủ hụi có nghĩa vụ gom hụi hàng tháng của những người đã hốt giao cho những người kêu tiếp theo cao nhất cho

đến người cuối cùng. Trường hợp những người đã hốt xong không đóng lại chủ hụi có nghĩa vụ choàng thay cho họ cho những người đã hốt.

Như vậy trong việc thỏa thuận chơi hụi giữa bà A với chị H thì chị H là chủ hụi phải có nghĩa vụ gom hụi của những người đã hốt giao lại cho những người chưa hốt mà tới kỳ khui hụi họ được hốt, gom số tiền của các thành viên hụi sống và tiền 100% của những người đã hốt xong phải đóng lại.

Theo quy định tại Điều 17, 21, 26 Nghị định số 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Chính phủ quy định về họ, hụi, biêu, phường thì Hụi có lãi là hụi mà theo sự thỏa thuận của những người tham gia hụi, thành viên được lãnh hụi nhận các phần hụi và phải trả lãi cho các thành viên khác, thành viên đã lãnh hụi có nghĩa vụ góp các phần hụi để các thành viên khác được lãnh cho đến khi thành viên cuối cùng được lãnh hụi.

Mặc dù chị H không tham dự các phiên hòa giải, không tham dự phiên Tòa theo giấy triệu tập và quyết định đưa vụ án ra xét xử của Tòa án, nhưng theo sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã tống đạt hợp lệ cho chị H thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra, giao nộp, công khai chứng cứ và hòa giải, tống đạt hợp lệ cho chị H các tài liệu, chứng cứ do bà A cung cấp có giấy tay ghi thiếu số tiền 146.125.000 đồng mà bà A cho rằng chị H ghi nợ và quyết định yêu cầu cung cấp tài liệu chứng cứ để chứng minh cho việc có thiếu bà A số tiền 146.125.000 đồng như giấy tay ghi số tiền 146.125.000 đồng có phải do chị H viết hay không.

Theo quy định tại khoản 2 và khoản 4 Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự quy định: "Đương sự phản đối yêu cầu của người khác đối với mình phải thể hiện bằng văn bản và phải thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho sự phản đối đó"; "Đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh mà không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ thì Tòa án giải quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ việc".

Thông báo, quyết định yêu cầu cung cấp chứng cứ, quyết định đưa vụ án ra xét xử được tống đạt hợp lệ qua người thân chị H, niêm yết nơi chị H cư trú các tài liệu, chứng cứ do bà A cung cấp, quyết định yêu cầu cung cấp chứng cứ của Tòa án; nhưng chị H không có văn bản phản hồi, không phủ nhận các chứng cứ do bà A cung cấp, chị H từ bỏ quyền và nghĩa vụ chứng minh hợp pháp của mình theo quy định của pháp luật nên chị H phải chịu hậu quả của việc không cung cấp chứng cứ.

Các chứng cứ của bà A cung cấp, giao nộp cho Tòa án đều phù hợp với yêu cầu khởi kiện của bà A.

Từ những chứng cứ có trong hồ sơ, lời trình bày, yêu cầu của nguyên đơn; Hội đồng xét xử có đủ căn cứ để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn chị H phải trả cho bà A số tiền 58.000.000 đồng theo yêu cầu.

Về án phí: Chị H phải chịu theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35; Khoản 1 Điều 39, Điều 91, 94, 97, 99, Điều 147, 217, 227, 228 và Điều 244 Bộ luật Tố tụng Dân sự; áp dụng Điều 471 của Bộ luật Dân sự năm 2015; áp dụng Nghị quyết 326/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trương Thị A;

Buộc chị Bành Thị Thúy H phải có nghĩa vụ trả cho chị Trương Thị A số tiền nợ hụi bằng 58.000.000 đồng.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ Luật dân sự năm 2015.

Về án phí: Buộc chị Bành Thị Thúy H phải chịu 2.900.000 đồng án phí giá ngạch dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho bà Trương Thị A tổng số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 3.787.500 đồng; cụ thể: số tiền 750.000 đồng theo biên lai số 0010013 ngày 12/4/2017, số tiền 300.000 đồng theo biên lai số 0009993 ngày 10/4/2017, số tiền 300.000 đồng theo biên lai số 000999 ngày 10/4/2017, số tiền 750.000 đồng theo biên lai số 0010012 ngày 12/4/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định t ại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án Dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm, báo cho nguyên đơn có mặt tại phiên tòa biết được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tống đạt bản án hoặc được niêm yết nơi cư trú.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện Châu Thành;
- CC.THA dân sự huyện;
- Các đương sự;

- Lưu.